TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2025/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc

***Thư ký phiên họp*:** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 81/2025/TLST-VLĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 09/2025/QĐST-LĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1982; thường trú tại: Thôn C, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn Ú, sinh năm 1985; trú tại: Số B, ấp B, xã B, tỉnh An Giang, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH L; địa chỉ: Số B, đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở D; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu - ông Võ Văn Ú trình bày:

Vào năm 2004, ông Trịnh Văn H làm việc tự do và không có ký kết hợp đồng lao động với bất kỳ công ty nào. Tuy nhiên, sau này khi thực hiện thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phải nộp hồ sơ bảo hiểm của bản thân, Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện có người sử dụng thông tin của ông Trịnh Văn H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L từ tháng 11/2004 -

tháng 8/2005, tương đương với thời gian có người sử dụng thông tin của ông Trịnh Văn H, số sổ BHXH 9104170149. Ông Trịnh Văn H hoàn toàn không biết đến sự việc này. Trong thời gian đó, ông Trịnh Văn H làm việc tự do và không có ký kết hợp đồng lao động với bất kỳ công ty nào. Do đó, ông H khẳng định không tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2004 - tháng 8/2005, tương đương với thời gian có người sử dụng thông tin của ông để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L. Ông Trịnh Văn H hoàn toàn không biết đến sự việc này. Ông Trịnh Văn H nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội để được giải quyết thì được hướng dẫn liên hệ Tòa án giải quyết. Nay ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu như sau: Tuyên hợp đồng lao động giữa ông Trịnh Văn H và Công ty TNHH L vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH L1 trình bày:

Khi công ty tuyển dụng lao động thì sẽ yêu cầu ứng viên nộp đầy đủ hồ sơ bao gồm: Đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu có chứng thực, giấy khám sức khỏe, các giấy tờ liên quan khác. Nên khi ông Trịnh Văn H xác nhận là không có làm việc tại Công ty TNHH L khi công ty chưa đổi thành công ty cổ phần là chưa hợp lý. Do thời gian công ty cần xác minh ông Trịnh Văn H có làm việc tại công ty từ 11/2004 đến 08/2005 là hơn 20 năm đã quá thời gian lưu trữ hồ sơ tại công ty và do bạo động diễn ra vào ngày 13/05/2006 làm công ty bị hư hỏng rất nhiều thiết bị máy tính, và bị dột hư hết những hồ sơ nhân sự cũ đã nộp nên công ty không tìm ra được thông tin dữ liệu cũng như hồ sơ liên quan đến ông Trịnh Văn H. Đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng giữa ông Trịnh Văn H và công ty CP L, thì công ty không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Công ty trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D (viết tắt là BHXH) trình bày: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1982, số CCCD 089198029013, có tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại Công ty TNHH L trong thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 8/2005, số sổ BHXH 9104101403, mã số BHXH 9100573910. Trong thời gian này, ông H chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, ông Trịnh Văn H tiếp tục tham gia BHXH tại Công ty TNHH B từ tháng 4/2005 đến tháng 6/2013. Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Trịnh Văn H và Công ty TNHH L, cơ quan BHXH viện dẫn Điều 10, Điều 11 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP về xử lý hợp đồng lao động vô hiệu và đề nghị Tòa án xem xét, quyết định theo quy định pháp luật. Cơ quan BHXH cho biết không lưu trữ hồ sơ cá nhân, giấy tờ tùy thân cũng như hồ sơ hợp đồng lao động của ông Trịnh Văn H với Công ty TNHH L. Đối với việc hợp đồng lao động vô hiệu hay không, cơ quan BHXH không có ý kiến.

.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố

tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Trịnh Văn H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện người yêu cầu; người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội; người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 8/2005, người lao động tên Trịnh Văn H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L1 và được Công ty TNHH L1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số sổ 9104101403, mã số 9100573910. Tuy nhiên trong thời gian này ông Trịnh Văn H tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH B từ tháng 4/2005 đến tháng 6/2013).

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông H và Công ty TNHH L1 phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong cùng một khoảng thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 8/2005 ông H có cùng 02 mã số bảo hiểm xã hội khác nhau.

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH L từ 11/2004 đến tháng 8/2005 một người khác chứ không phải ông Trịnh Văn H, trường hợp này là vi phạm nguyên tắc "trung thực" quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019), do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trịnh Văn H.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Văn H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trịnh Văn H với Công ty TNHH L1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9104170149 bị vô hiệu.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Trịnh Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019).

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Trịnh Văn H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trịnh Văn H với Công ty TNHH L1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 9104170149) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9104170149 không phải là ông Trịnh Văn H, sinh năm 1982, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 038082013910.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Trịnh Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003610 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Ngọc